QUẢN LÝ RỦI RO NÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM: TỪ THÁCH THỨC THỰC TIỄN ĐẾN VAI TRÒ CỦA CÔNG CỤ PHÁI SINH HÀNG HÓA

● **NGÔ VĨNH BẠCH DƯƠNG**
Viện Nhà nước và Pháp luật

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích về việc nông nghiệp Việt Nam đối mặt với rủi ro giá cả phức tạp, trong khi các công cụ quản lý rủi ro truyền thống hoạt động kém hiệu quả. Qua đó, làm rõ vai trò của công cụ phái sinh hàng hóa - một giải pháp phòng vệ rủi ro giá hiện đại còn bị xem nhẹ. Việc áp dụng cần được xem là chiến lược, dù vẫn tồn tại nhiều rào cản. Cuối cùng, bài viết đề xuất lộ trình thúc đẩy các công cụ hiện đại, hướng tới nền nông nghiệp bền vững.

Từ khóa: quản lý rủi ro nông nghiệp, rủi ro giá cả, công cụ phái sinh hàng hóa, nông nghiệp Việt Nam, phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Nông nghiệp là ngành kinh tế trọng yếu của Việt Nam, nhưng cũng là lĩnh vực phải đối mặt với nhiều rủi ro nhất, từ rủi ro sản xuất đến rủi ro thị trường (Nguyễn & Lê, 2014). Trong những năm qua, được mùa, mất giá đã trở thành một vấn đề cố hữu, gây thiệt hại lớn cho thu nhập của nông dân và sự ổn định của toàn chuỗi cung ứng. Để đối phó, nhiều công cụ quản lý rủi ro đã được áp dụng, nổi bật là bảo hiểm nông nghiệp (BHNN) và hợp đồng bao tiêu (HĐBT).

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy các công cụ quản lý rủi ro hoạt động kém hiệu quả. Tỷ lệ tham gia BHNN còn rất thấp và các sản phẩm hiện có chủ yếu chỉ bảo hiểm cho rủi ro sản xuất, gần như bỏ ngỏ rủi ro về giá. Trong khi đó, HĐBT, vốn được kỳ vọng là cầu nối ổn định, lại thường xuyên bị phá vỡ khi giá thị trường biến động mạnh (Nguyễn, 2023). Sự thất bại của các công cụ truyền thống đã để lại một khoảng trống lớn và nguy hiểm trong hệ thống quản lý rủi ro của ngành.

Trong bối cảnh đó, các công cụ phái sinh trên thị trường tập trung lại chưa được quan tâm đúng mức. Bài viết này nhằm làm rõ hơn về vai trò của phái sinh hàng hóa, không chỉ như một công cụ kỹ thuật, mà còn là một bước đi chiến lược cần thiết để lấp đầy khoảng trống trong quản lý rủi ro thị trường tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết

Để giải quyết bài toán rủi ro một cách hệ thống, bài viết áp dụng khung lý thuyết về cách tiếp cận toàn diện trong quản lý rủi ro nông nghiệp được đề xuất bởi Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD, 2009, 2020). Cách tiếp cận này nhấn mạnh rằng, các loại rủi ro (sản xuất, thị trường, tài chính,

thể chế) không tồn tại độc lập mà có sự liên kết chặt chẽ, đòi hỏi một chiến lược quản lý đồng bộ (Nguyễn & Trần, 2016).

Trọng tâm của khung lý thuyết này là mô hình quản lý rủi ro 3 lớp, phân định rõ trách nhiệm cho từng tác nhân dựa trên tần suất và mức độ tác động của rủi ro:

Lớp rủi ro thông thường (Normal Risks): Những biến động thường xuyên nhưng có tác động thấp. Lớp rủi ro này nên được quản lý bởi chính người nông dân thông qua các chiến lược tại trang trại.

Lớp rủi ro có thể chuyển giao qua thị trường (Marketable Risks): Những rủi ro ít thường xuyên hơn nhưng có tác động đáng kể. Đây là lớp rủi ro cần được chuyển giao thông qua các công cụ dựa trên thị trường như bảo hiểm và các công cụ phái sinh (hợp đồng tương lai, quyền chọn).

Lớp rủi ro thảm họa (Catastrophic Risks): Những sự kiện hiếm khi xảy ra nhưng có sức tàn phá nặng nề, vượt quá khả năng đối phó của cả nông dân và thị trường, đòi hỏi sự can thiệp của chính phủ.

Khung lý thuyết này cung cấp một cơ sở khoa học để đánh giá thực trạng tại Việt Nam và chỉ ra tính tất yếu của các công cụ phái sinh hàng hóa trong việc quản lý lớp "rủi ro có thể chuyển giao", vốn đang là khoảng trống lớn nhất. (Bảng 1)

Nghiên cứu cũng áp dụng lý thuyết phòng vệ giá (hedging) coi vị thế trên thị trường phái sinh là đối ứng của nghĩa vụ hàng thực trong chuỗi cung ứng. Nội hàm kỹ thuật bao gồm: chênh lệch cơ sở (basis) giữa giá giao ngay và giá kỳ hạn; tỷ lệ phòng vệ tối ưu (hedge ratio) nhằm giảm phương sai dòng tiền; và kỷ luật vận hành để tránh biến tướng phòng vệ thành đầu cơ. Phân biệt này là điểm tựa cho thiết kế quyền - nghĩa vụ trong hợp đồng bao tiêu và trong quy trình kiểm soát nội bộ doanh nghiệp. (Hull, 2021); (CFTC, 2020).

Ở tầng hạ tầng, các nguyên tắc đối với hạ tầng thị trường tài chính (PFMI) do CPMI-IOSCO ban hành khuyến nghị chuẩn mực về quản trị, khả năng chịu đựng rủi ro tín dụng - thanh khoản, cơ chế bù trừ qua tổ chức bù trừ trung ương (CCP), quản lý quỹ bảo đảm và kế hoạch xử lý sự cố. CCP không loại bỏ hoàn toàn rủi ro đối tác, nhưng giảm thiểu đáng kể thông qua ký quỹ, gọi ký quỹ, quản trị biến động giá cực đoan và các lớp phòng thủ (CPMI-IOSCO, 2012).

Các tổng kết quốc tế cho thấy mô hình bình ổn giá hành chính kém bền vững, tốn kém và dễ tạo méo mó so với cơ chế phòng vệ giá dựa trên hợp đồng chuẩn hóa. Khi đi kèm giáo dục tài chính và hệ dữ liệu công khai, phòng vệ giá làm giảm xác suất phá vỡ hợp đồng, ổn định tín dụng chuỗi và nâng chất lượng thương lượng trong quan hệ nông hộ - doanh nghiệp (World Bank 2012; UNCTAD 1998; ICO 2019).

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, chủ yếu thông qua việc tổng hợp, phân tích và đánh giá các nguồn dữ liệu thứ cấp. Các nguồn dữ liệu bao gồm:

Các báo cáo và tài liệu học thuật: Các công trình nghiên cứu của các tổ chức quốc tế uy tín như OECD, Ngân hàng Thế giới (World Bank), Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) về quản lý rủi ro nông nghiệp và thị trường phái sinh hàng hóa.

Bảng 1. Khung quản lý rủi ro ba lớp (theo OECD 2009)

Lớp rủi ro	Đặc điểm	Trách nhiệm chính	Công cụ/chiến lược khuyến nghị
Thông thường (Normal)	Tần suất cao / Tác động thấp	Nông dân	Đa dạng hóa tại trang trại, tiết kiệm, áp dụng công nghệ
Có thể chuyển giao (Marketable)	Tần suất trung bình / Tác động trung bình	Thị trường	Bảo hiểm, hợp đồng tương lai/quyền chọn
Thảm họa (Catastrophic)	Tần suất thấp / Tác động cao	Chính phủ	Viện trợ khắc phục thảm họa, mạng lưới an sinh xã hội

Văn bản pháp quy và chính sách: Các nghị định, quyết định của Chính phủ Việt Nam liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa.

Dữ liệu hoạt động: Các số liệu về quy mô, khối lượng giao dịch được công bố bởi Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV).

Các bài báo và phân tích: Các bài viết từ các tạp chí chuyên ngành, các cơ quan thông tấn báo chí trong và ngoài nước về thực trạng nông nghiệp, các công cụ quản lý rủi ro và thị trường tài chính tại Việt Nam.

Phương pháp tiếp cận tổng hợp này cho phép xây dựng một bức tranh toàn diện về các thách thức trong quản lý rủi ro nông nghiệp tại Việt Nam, đối chiếu với các chuẩn mực quốc tế, từ đó phân tích sâu sắc vai trò, tiềm năng và rào cản của công cụ phái sinh hàng hóa và đề xuất các kiến nghị chính sách phù hợp.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng kém hiệu quả của các công cụ quản lý rủi ro truyền thống

Kết quả phân tích cho thấy các công cụ quản lý rủi ro chính tại Việt Nam đều chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Tỷ lệ tham gia BHNN vẫn ở mức rất thấp dù đã có nhiều chính sách hỗ trợ. Các sản phẩm bảo hiểm hiện hành chủ yếu tập trung vào rủi ro sản xuất và chưa bao phủ được rủi ro giá, trong khi HĐBT lại dễ dàng bị phá vỡ khi có biến động thị trường (Nguyễn, 2023). Điều này đã tạo ra một khoảng trống lớn, khiến nông dân và doanh nghiệp được bảo vệ một cách chiếu lệ trước rủi ro thị trường, dẫn đến điệp khúc "được mùa, mất giá" lặp lại dai dẳng. (Bảng 2)

4.2. Phái sinh hàng hóa - Công cụ chiến lược chưa được quan tâm đúng mức

Để lấp đầy khoảng trống trên, phái sinh hàng hóa nổi lên như một giải pháp hiện đại. Về bản chất, các công cụ như hợp đồng tương lai và quyền chọn hoạt động như một cơ chế "bảo hiểm giá" (price hedging). Chúng cho phép các tác nhân trong chuỗi giá trị có thể "khóa" một mức giá cho giao dịch trong tương lai, qua đó loại bỏ sự bất định về doanh thu hoặc chi phí đầu vào. Việc áp dụng công cụ này cần được nhìn nhận như một bước đi chiến lược để nâng cao sức cạnh tranh và sự ổn định cho ngành nông nghiệp, chứ không đơn thuần là một công cụ kỹ thuật tài chính.

Để các công cụ này hoạt động hiệu quả, vai trò của một sàn giao dịch tập trung như Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) là rất quan trọng. Hoạt động dưới sự quản lý của Bộ Công Thương, MXV cung cấp một nền tảng giao dịch minh bạch, an toàn và hiệu quả, thực hiện các chức năng cốt lõi:

Minh bạch và khám phá giá: Cung cấp thông tin giá cả theo thời gian thực, hạn chế khả năng ép giá của thương lái.

Loại bỏ rủi ro đối tác: Đứng ra đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho mọi hợp đồng, giải quyết vấn đề "vỡ nợ" của HĐBT.

Liên thông quốc tế: Kết nối thị trường Việt Nam với các sàn giao dịch lớn nhất thế giới, cho phép doanh nghiệp tiếp cận nguồn thanh khoản dồi dào để phòng vệ rủi ro (ICO 2000).

Sự tăng trưởng ấn tượng về quy mô và giá trị giao dịch tại MXV trong những năm gần đây cho

Bảng 2. Phân tích so sánh các công cụ quản lý rủi ro thị trường tại Việt Nam

Công cụ	Rủi ro chính được bảo vệ	Hiệu quả với rủi ro giá	Khả năng tiếp cận của hộ nhỏ	Thách thức chính tại Việt Nam
Hợp đồng bao tiêu	Giá (hạn chế), chất lượng	Rất thấp (dễ bị phá vỡ)	Trung bình (lý thuyết), thấp (thực tế)	Tỷ lệ phá vỡ cao, thiếu chế tài, bất tín
Bảo hiểm nông nghiệp	Sản xuất (năng suất)	Thấp/Không (thường không bảo hiểm)	Thấp đến trung bình (tùy chính sách)	Tỷ lệ tham gia thấp, chi phí cao, rủi ro đạo đức
Phái sinh hàng hóa	Giá (chức năng chính)	Cao (chức năng chính)	Rất thấp (hiện tại)	Nhận thức thấp, thiếu kiến thức, vấn đề tổng hợp rủi ro

thấy mức độ chấp nhận ngày càng tăng của thị trường đối với công cụ này.

4.3. Rào cản thể chế và rủi ro tiềm ẩn

Mặc dù có tiềm năng lớn, việc áp dụng rộng rãi phái sinh trong nông nghiệp vẫn còn gặp nhiều rào cản. Rào cản lớn nhất là sự thiếu hụt kiến thức về cách sử dụng công cụ này để phòng vệ giá. Bên cạnh đó, vấn đề tổng hợp rủi ro từ các hộ sản xuất manh mún và một khung pháp lý chưa hoàn thiện cũng là những thách thức lớn (Larson et al., 1998).

4.3.1. Khung pháp luật và thể chế trong nước

Nghị định số 51/2018/NĐ-CP (sửa NĐ 158/2006/NĐ-CP) đặt khung cho hoạt động qua Sở Giao dịch Hàng hóa: cho phép thương nhân Việt Nam giao dịch hợp đồng niêm yết ở nước ngoài qua thành viên môi giới trong nước (Điều 5); quy định lại điều kiện tổ chức Sở (Điều 8); và giao Sở ban hành, công bố quy chế quản lý rủi ro, bù trừ (Điều 16).

Theo Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BCT 04.7.2018, Điều 32, cơ chế hiện nay chủ yếu là tiền kiểm (Sở phải thông báo, xin chấp thuận trước 30 ngày khi bổ sung mặt hàng niêm yết), nhưng chưa có cơ chế rà soát định kỳ dựa trên thanh khoản và nhu cầu phòng vệ, nên danh mục niêm yết dễ bị trễ nhịp so với thị trường.

Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15, Điều 11, Điều 88 mở đường cho bảo hiểm nông nghiệp và sản phẩm linh hoạt (kể cả chỉ số), nhưng thiếu chuẩn dữ liệu dùng chung và cơ chế kiểm định chỉ số độc lập, nên nếu không có giai đoạn thử nghiệm có thể phát sinh tranh chấp. Phần dữ liệu giá, chất lượng, tồn kho hiện còn phân mảnh giữa Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Môi trường, vì vậy cần văn bản dưới luật quy định tối thiểu bộ dữ liệu công bố, tần suất, và quyền truy cập cho doanh nghiệp và các hiệp hội.

Ở cấp thực thi, nên bổ sung luôn trong nghị định/thông tư nghĩa vụ "báo cáo sự cố bù trừ, ký quỹ, CNTT trong 24-48 giờ", thay vì chỉ dẫn theo PFMI. Chính sách thuế và kế toán cần hướng dẫn ghi nhận lãi, lỗ phòng vệ đúng kỳ để không bóp méo kết quả kinh doanh và để doanh nghiệp có động lực dùng phái sinh như công cụ quản trị, không phải đầu cơ.

Từ năm 2024-2025, Bộ Công Thương song song xây dựng hai nhóm Nghị định:

Thứ nhất, Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa (thay thế Nghị định số 158/2006/NĐ-CP và số 51/2018/NĐ-CP), tập trung vào việc (i) thiết kế lại cơ chế liên thông và giám sát giao dịch với Sở nước ngoài; (ii) tăng trách nhiệm báo cáo, thanh tra và quản trị rủi ro của Sở và các thành viên.

Thứ hai, Dự thảo Nghị định quy định về chính sách xuất nhập khẩu hàng hoá, phân phối dịch vụ và hàng hoá, sàn giao dịch hàng hóa, hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo Nghị quyết số 222/2025/QH15, mở ra khả năng đặt Sở Giao dịch hàng hóa vào một không gian Trung tâm tài chính - thương mại quốc tế với cơ chế đặc thù.

Một vấn đề thể chế quan trọng nữa thể hiện rõ trong dự thảo Nghị định mới và cả thực tiễn vận hành hiện nay là: Sở GDHH đang phải chịu trách nhiệm việc lựa chọn và phát triển các mặt hàng nông nghiệp thế mạnh để đưa vào giao dịch, trong khi theo Điều 32 Nghị định số 158/2006/NĐ-CP, thẩm quyền công bố danh mục vẫn thuộc Bộ Công Thương. Dự thảo Nghị định thay thế năm 2025 lần đầu tiên nêu rõ trách nhiệm trên cho Sở GDHH; nếu ý tưởng này được ban hành có thể dẫn đến một tình huống khó xử: doanh nghiệp phải thực hiện một chính sách kinh tế vĩ mô thay cho cơ quan quản lý nhà nước mà không có cơ chế hỗ trợ tương xứng. Nếu thành công, doanh nghiệp có thể thu lợi, nhưng nếu thất bại, câu hỏi "trách nhiệm thuộc về ai" sẽ rất khó trả lời, trong khi vai trò quản lý ngành, thực thi chính sách nông nghiệp, nông thôn vẫn thuộc về Nhà nước. Điều này tạo ra một khoảng trống về vai trò và trách nhiệm giữa cơ quan quản lý và đơn vị thực thi.

4.3.2. Phân định giữa phòng vệ rủi ro và đầu tư chính đáng

Ban đầu, doanh nghiệp tiếp cận phái sinh với mục tiêu phòng vệ trước biến động giá. Về sau, khi quen công cụ, phái sinh có thể được sử dụng như một kênh đầu tư hợp lý, góp phần tối ưu hóa dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tuy nhiên,

nếu doanh nghiệp mở vị thế vượt quá nhu cầu phòng vệ cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, giao dịch đó sẽ mang bản chất đầu cơ và có thể tạo ra rủi ro rất lớn.

Điều quan trọng là doanh nghiệp không thoát ly hoạt động kinh doanh cốt lõi, kỷ luật và quy chế quản trị rủi ro nội bộ nghiêm ngặt là giải pháp tốt để thực hiện điều này. Đồng thời, các thông lệ tốt về phòng hộ chính đáng (bona fide hedging) cần thiết được ghi nhận trong hệ thống pháp luật.

Việc phân định giữa phòng hộ và đầu cơ dựa trên những tiêu chí rõ ràng. Về bản chất, một doanh nghiệp được xem là phòng hộ chân chính khi mở một vị thế tài chính đối nghịch với rủi ro giá cả, với khối lượng không vượt quá khối lượng hàng hóa thực tế cần được bảo vệ (CFTC. 2020). Hơn nữa, tính chính đáng của việc phòng hộ còn được đánh giá thông qua hiệu quả của nó. Cụ thể, giao dịch sẽ được coi là hiệu quả và "chính đáng" nếu mức độ bù đắp cho biến động giá nằm trong ngưỡng từ 80% đến 125% - một ngưỡng phổ biến trong quản trị rủi ro và báo cáo tài chính (IFRS (2014). Các chính sách thuế, kế toán, cũng cần thiết hoàn thiện nhằm bảo đảm cho việc phòng vệ giá là chính đáng và minh bạch.

5. Kết luận và kiến nghị

Quản lý rủi ro nông nghiệp cần một cách tiếp cận đồng bộ, kết hợp nhiều công cụ khác nhau. Các công cụ phái sinh hàng hóa trên thị trường tập trung là một mảnh ghép chiến lược còn thiếu, chưa được quan tâm đúng mức. Việc áp dụng các công cụ này trên sàn giao dịch tập trung là một hướng đi tất yếu và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế để giải quyết bài toán rủi ro giá ở Việt Nam.

Từ các thảo luận nêu trên, chúng tôi đề xuất các trụ cột giải pháp, tập trung vào việc phát triển thị trường phái sinh hàng hóa như một cấu phần thiết yếu trong hệ thống quản lý rủi ro nông nghiệp:

Hoàn thiện khung pháp lý và thể chế: Tiếp tục rà soát, bổ sung các quy định pháp luật về giao dịch phái sinh hàng hóa, tạo một hành lang pháp lý rõ ràng, an toàn để thu hút các định chế tài chính lớn tham gia. Đồng thời, từng bước hình thành các chính sách khuyến khích các tổ chức trung gian đóng vai trò thu gom và quản lý rủi ro cho nông dân.

Các văn bản sửa đổi các nghị định về hoạt động của Sở GDHH cần làm rõ và ràng buộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng kế hoạch, lộ trình niêm yết các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của quốc gia và chỉ đạo các sàn giao dịch thực hiện kế hoạch đó. Điều này sẽ giúp phân định rõ vai trò kiến tạo chính sách của Nhà nước và vai trò vận hành thị trường của doanh nghiệp, thay vì đồng thời, thay vì chỉ giao chung chung cho Sở GDHH tự lựa chọn mặt hàng niêm yết. Do đó, pháp luật cần: (i) xác định rõ danh mục mặt hàng ưu tiên và vai trò chủ động của cơ quan quản lý trong việc xây dựng lộ trình niêm yết; (ii) yêu cầu Sở GDHH, ngay từ giai đoạn cấp phép, chứng minh năng lực huy động doanh nghiệp, hệ thống kho và tổ chức tín dụng tham gia vào chuỗi giao - nhận, bảo đảm rằng mỗi sản phẩm niêm yết đều gắn với một hệ sinh thái thực chứ không chỉ nằm trên giấy.

Xây dựng năng lực thị trường thông qua giáo dục: Triển khai một chương trình quốc gia để phổ cập kiến thức về quản lý rủi ro và các công cụ phòng vệ giá. Nội dung đào tạo cần nhấn mạnh sự khác biệt cốt lõi giữa phòng vệ giá và đầu cơ để định hướng việc sử dụng công cụ một cách đúng đắn và có trách nhiệm ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Nguyễn, Quốc Nghị, & Lê, Thị Diệu Hiền. (2014). Phân tích rủi ro thị trường trong sản xuất nông nghiệp của nông hộ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, (33), 38-44.

Nguyễn, Thị Minh Thu, & Trần, Đình Thao. (2016). Tổng quan về quản lý rủi ro trong nông nghiệp: Vận dụng cho nuôi tôm ven biển. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, (232), 77-84.

Nguyễn, Thu Trâm. (2023). Hợp đồng nông nghiệp ở các hợp tác xã: Giải pháp ổn định thị trường nông sản. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, (16).

CFTC. (2020). "Bona Fide Hedging" (17 CFR §150.1). Washington, DC: U.S. Commodity Futures Trading Commission.

CPMI-IOSCO. (2012). Principles for Financial Market Infrastructures (PFMI). Basel: BIS/IOSCO.

Hull, John C. (2021). Options, Futures, and Other Derivatives (10th ed.). Harlow: Pearson.

IFRS. (2014). IFRS 9 Financial Instruments (para. 6.4.1). London: IFRS Foundation.

International Coffee Organization (ICO). (2019). Price Risk Management in the Coffee Sector. London: ICO.

Larson, D. F., Varangis, P., & Yabuki, N. (1998). Commodity risk management and development (World Bank Working Paper No. 1963). World Bank.

OECD. (2020). Agricultural risk management and resilience. OECD Publishing.

OECD. (2020). Strengthening Agricultural Resilience in the Face of Multiple Risks. Paris: OECD Publishing.

UNCTAD. (1998). Agreed Conclusions and Recommendations on Commodity Risk Management. Geneva: United Nations.

World Bank. (2012). Dealing with Commodity Price Volatility in Developing Countries. Washington, DC: World Bank.

Ngày nhận bài: 9/9/2025
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/9/2025
Ngày chấp nhận đăng bài: 6/10/2025

AGRICULTURAL PRICE RISK MANAGEMENT IN VIETNAM: CHALLENGES AND THE POTENTIAL OF COMMODITY DERIVATIVES

● **NGO VINH BACH DUONG**
Institute of State and Law

ABSTRACT:

This study examines the complex price risks confronting Vietnamese agriculture, highlighting the limitations of traditional risk management tools. It emphasizes the potential of commodity derivatives as a modern and effective solution for hedging price risks, which remains underutilized in the sector. While the adoption of such instruments should be considered a strategic approach, numerous barriers, including limited market infrastructure, low awareness, and regulatory constraints, hinder widespread implementation. The study concludes by proposing a roadmap to promote the application of modern financial instruments, contributing to the development of a more resilient and sustainable agricultural sector in Vietnam.

Keywords: agricultural risk management, price risks, commodity derivatives, Vietnamese agriculture, sustainable development.